

HOẠT ĐỘNG CỦA TAM PHÁP TY TRIỀU NGUYỄN (1802-1885)

NGÔ ĐỨC LẬP

TÓM TẮT

Trong thời kỳ độc lập, tự chủ dưới thời trị vì của bốn vị vua là Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, triều Nguyễn đã dày công xây dựng một bộ máy hành chính khá hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương. Triều Nguyễn đã có nhiều biện pháp, trong đó, việc xây dựng, tạo cơ chế hoạt động và vận hành tổ chức hành pháp và tư pháp là một trong những yếu tố hàng đầu. Bài viết này dựng lại phần nào hoạt động của Ty Tam pháp của triều Nguyễn trong giai đoạn 1802-1885.

1. KHÁI QUÁT VỀ TAM PHÁP TY DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

Năm 1832, vua Minh Mạng cho rằng mỗi khi triều đình đang bàn việc ở Tả triều đường mà Bộ Hình trừng phạt những người can phạm và dân đến kiện cáo nộp đơn là “hỗn tạp” nên đã cho lấy “Hình bộ, Đô sát viện và Đại lý tự” hợp thành Tam Pháp ty (Đỗ Bang, 2010, tr. 139). Văn phòng được đặt ở góc phía Đông Nam trong Kinh thành, với kiến trúc một tòa 3 gian, 2 chái, mặt tả mặt hữu và đằng sau đều xây tường xung quanh, có tám biển đề “Công chính đường”, đằng trước về bên tả,

treo 1 cái trống gọi là trống Đăng Văn⁽¹⁾, đúc ấn bằng bạc (khắc 4 chữ triện “Tam Pháp ty ấn”), dấu kiểm bằng ngà (khắc 3 chữ triện “Tam pháp ty”) giao bộ Hình giữ, còn viện Đô sát và Đại lý tự thì cùng nhau niêm phong mỗi khi có đơn kiện hay hình án (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 334).

Về quy trình nhận đơn, vào các ngày mùng 6, 16 và 26 hàng tháng, Ty Tam pháp cử các thuộc viên của mình lên Công chính đường ngồi theo trật tự: Bộ Hình ở giữa, bên tả là Đô sát viện, bên hữu là Đại lý tự trực nhận đơn của dân chúng. Ngoài 3 ngày trên, hàng ngày, Bộ Hình, Viện Đô sát và Đại lý tự, mỗi cơ quan cử 01 thuộc viên thay phiên thường trực để nhận đơn. Việc xử lý đơn cũng theo trình tự như quy định trên. Tuy nhiên, đối với những đơn “xét ra là vu cáo cần bậy thì tới kỳ đợi chỉ sẽ xử trị nghiêm ngặt” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 334). Thần dân ở trong Kinh và các tỉnh ai có oan khuất thì đưa đơn đến kêu. Đơn phải có 1 bản chính và 1 bản phụ, “duy khi tố cáo bí mật về việc phản nghịch quan trọng và những việc có quan hệ đến lợi hại lớn thì mới cho làm 1 bản tấu phong kín lại”. Sau khi nhận được đơn, Tam pháp hội đồng để thống nhất nghị xử “rồi hội hàm làm thành tập tấu dâng lên” vua (Quốc sử quán triều Nguyễn,

Ngô Đức Lập. Thạc sĩ. Trường Đại học Khoa học Huế.

2007, tập 3, tr. 335). Khi được chỉ của vua, đơn nào liên quan đến bộ, nha nào thì gửi cho bộ, nha ấy làm theo. Khi tiếp được tờ tàu phong kín, thì lập tức dâng trình không được tự tiện phát đi.

Tuy nhiên, không phải bất cứ ai cũng có thể đánh trống kêu oan. Thậm chí, việc kêu oan không thật sự khẩn thiết “thì việc dẫu có thực, cũng phải đóng gông 10 ngày để ở ngoài sân nhà Công chính đường, khi mãn hạn lại đánh ngay 100 trượng; nếu có vu cáo tức thì chiếu theo tội kiện vu cáo mà bắt chịu tội”. Kể cả những người xúi giục cũng bị phạt (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 336). Chẳng hạn, năm 1834, sản vật của dân phủ Thừa Thiên bị Phủ doãn Trần Tú Dĩnh đánh giá rẻ mạt đã kiện và bị Phủ doãn đánh đòn nên đến đánh trống Đãng Văn đã bị vua cho là “Đặt ra trống Đãng Văn cốt để những người không có chỗ kêu được thân oan, thế mà từ trước đến nay, những kẻ đến kêu chỉ là những việc nhỏ nhặt trong làng xóm”. Bèn sai Tam Pháp ty tra xét, xử Trần Tú Dĩnh bị cách lưu vì đã đánh giá rẻ sản vật của dân, để dân đến “đi kiện nhảm”. Người dân đánh trống để kêu, bị phạt 100 roi.

Không chỉ có trách nhiệm trong việc nhận đơn kêu oan của dân chúng, Tam Pháp ty còn có một nhiệm vụ nặng nề hơn nữa là xét hình ngục. Năm 1832, sau khi cho lập Viện Đô sát, vua Minh Mạng đã quy định trách nhiệm của Viện Đô sát là phạm án kiện thì cùng “*hội đồng với Hình bộ và Đại lý tự xét làm*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 363). Hay có lần vua Minh Mạng dụ cho Nội các được ghi lại trong Châu bản: “cho Tam Pháp ty xét hình ngục cho nhanh chóng”⁽²⁾.

Triều đình còn quy định, đối với những án nào do triều đình xét hỏi, thì đình thần tới nhà Công chính đường (Tam Pháp ty) cùng hội đồng để xét hỏi, nếu án nào bị xử phạt roi, phạt trượng thì Tam Pháp ty thì hành ngay tại nhà Công chính đường. Ngoài ra, những người đã về hưu trước đây phải đến kêu ở triều đình, đều do thuộc viên coi quản của Tam Pháp ty xét thực tâu thay. Còn đối với “*những người không ở dưới một thống thuộc nào*” nếu thuộc quan văn thì Bộ Lại, hàng võ do Bộ Binh trình đơn kêu để triều đình xét định, như vậy mới “*then chốt được kín đáo, phép tắc được nghiêm minh mà triều đình được tôn trọng*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 334-336).

Năm 1847, vua Thiệu Trị đã cho định lại và cụ thể hóa điều lệ của Ty Tam pháp nhưng về cơ bản vẫn kế thừa quy định dưới thời vua Minh Mạng. Đến năm 1880, vua Tự Đức tiếp tục cho chuẩn định thêm đối với những hình án cần xét xử lại, trong đó quy định: “phạm quân, dân thuộc... nếu có việc gì phải cần xét xử lại, trước hết phải qua ty cai quản của mình (như là quan, thì trước hết phải qua thượng ty; là quân thì trước hết phải qua quản suất, là dân thì trước hết phải qua phủ, huyện, châu)”, nếu ty cai quản trực tiếp “không nhận xét, hoặc xét xử *không minh, mới được đến kiện ở thượng ty và Ty Tam pháp*”. Nếu “*trái chế thư*” không cứ việc kiện đúng hay sai đều chiếu theo luật xử phạt 100 trượng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 8, tr. 415).

Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ vào tay thực dân Pháp, Tam Pháp ty và trống Đãng Văn đều bị thực dân Pháp không cho tồn tại và thực hiện chức năng như trước đây nữa. Về sau, vua Thành Thái muốn

phục hồi một truyền thống tốt đẹp của các tiền đế, Ty Tam pháp và trống Đăng Văn có dịp tái xuất hiện vào năm 1901, nhưng đến năm 1906 lại phải dẹp bỏ vì công dụng ngày xưa không còn hiệu lực gì nữa (<http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=67&ia=437>).

2. HOẠT ĐỘNG VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TAM PHÁP TY

Quyền xét xử của Ty Tam pháp là rất lớn. Tất cả quan lại không từ một ai từ quan trong kinh lẫn ngoài tỉnh nếu có phạm tội, kể cả quan đại thần hoặc thuộc liêu, đồng nghiệp của mình nếu có phạm tội đều bị cơ quan này xem xét, trị tội theo pháp định của triều đình. Năm 1845, quyền Hình khoa Chương án Cấp sự trung Trình Nho trước đây được phái đi thanh tra tỉnh Nghệ An đã nhận bừa đơn kiện của dân và trở hặc Tri huyện Hương Sơn là Hồ Mậu Đức nhận của đút lót. Tuy nhiên, khi vua Thiệu Trị giao cho quan tỉnh Hà Tĩnh xét, thì không có sự thực mà nguyên nhân là Trình Nho ngấm nhận của lót. Vua bảo rằng: "Đài ngự sử, quan hệ đến phong hóa và pháp độ, tất phải tự mình giữ cho thanh bạch, mới có thể trị được tội lỗi của người; nếu bề ngoài làm ra cái tiếng bắt đánh, bên trong thi hành cái thuật nhận lễ đút lót, thân mình không chính đính thì giúp cho người khác chính đính thế nào được! Nay Nho tham tiền của người này, nêu tội lỗi của người khác, đúng như lời ấy, thì không còn gì là lương tâm nữa!". Vua liền giao Ty Tam pháp hội tra, Trình Nho phải tội thất cổ cho chết (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 753).

Đóng góp lớn nhất của Ty Tam pháp đó là trừng trị nhằm hạn chế tệ quan tham,

những nhiều dân. Chẳng hạn, năm 1844, sau khi quan khoa đạo xét thấy tờ, lựa màu... của kho Văn Ý bị thiếu, vua Thiệu Trị đã giao cho Ty Tam pháp tra xét. Kết quả, sổ hóa vật trong kho thiếu hụt trị giá tiền đến 10.583 quan, bạc đến 522 lạng, triều đình đã bắt các chủ thủ phải chia nhau đền đủ số thâm hụt trên (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 569-570). Hoặc năm 1847, Lãnh binh Quảng Trị Hoàng Đăng Thuận, Án sát Lê Đình Khản đã thông đồng để lấy tiền đút lót của tù nhân Phan Văn Phụng nhưng không được nên ghen ghét nhau. Việc bị phát giác, vua giao Ty Tam pháp hội đồng tra xét, Thuận bị giáng 3 cấp, bắt về hưu; Khản bị cách chức (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 1.005).

Năm 1842, trước tình hình đất ít dân nhiều lại ở gần bờ biển thường bị thiên tai đe dọa dân xã Diêm Phổ tỉnh Thanh Hóa đã nộp đơn cho Ty Tam pháp xin được di cư đến xã An Giáo để sinh sống. Sự thể này được thuộc quan của Ty tâu lên và vua y lời xin (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 393).

Ngoài ra, Ty Tam pháp còn thực hiện một số nhiệm vụ khác. Năm 1836, tỉnh Quảng Ngãi đã khám bắt được thuyền buôn nhà Thanh chở lậu 65 cân thuốc phiện sống, 25 lạng thuốc phiện chín đem về nội phủ vua Minh Mạng đã giao Tam Pháp ty tiêu hủy ngay ở Công chính đường (<http://cuocsongviet.com.vn/index.asp?act=detail&mabv=3971&/Nha-Nguyen-xet-xu-cac-toi-lien-quan-den-thuoc-phi-en.csv>).

Năm 1844, án sát tỉnh Quảng Trị là Phan Văn Nhã đã phái thự Phó vệ Hoàng Văn Lợi cho người đi hỏi mua gà. Đội trưởng

Phùng Thế Hiền nói là mua cho quan, còn Cai tổng Phùng Thế Định nhân đó nói dối truyền lời chiếu sắc, mượn việc để sách nhiễu dân. Việc bị phát giác, vua giao Ty Tam pháp hội đồng tra hỏi đúng tội đã cho Hiền phải tội phát lưu hết bậc, Lợi bị cách chức cho hiệu lực ở bộ Binh (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 5, tr. 576).

Tuy nhiên, không phải án nào do Ty Tam pháp đệ trình lên vua cũng được chấp nhận. Chẳng hạn, năm 1843, Ty Tam pháp dâng bản danh sách về việc hình án các tỉnh ân xét trong năm gồm 411 người. Vua sai các quan trong triều xét lại. Kết quả cho hoãn xử tử ngay 46 án, lưu giam hậu 84 án, còn án khác đều giảm; ai phải phát vắng đi các tỉnh thì được tha (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 528). Hay năm 1844, các thuộc viên của Ty Tam pháp dâng bản danh sách những vụ án xét về mùa thu gồm 463 tội phạm nhưng khi vua xem và cho xét kỹ lại thì chỉ có 4 người thực sự phạm tội phải bị xử phạt, giảm tội phát đi hơn 230 người, những người còn lại giam giữ tiếp tục tra xét thêm (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 634).

Mặc dù là pháp đình tối cao của triều đình nhưng không phải Tam Pháp ty được toàn quyền trong việc xét xử mà hầu hết các hình án sau khi “pháp đình” nghị xử đều phải được vua xem xét lại. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), các thuộc quan của Tam Pháp ty hội bàn đối với những đơn khổng cáo liên quan đến Bộ Hình thì không cần bàn xét và cho phạt kẻ nguyên khổng bằng cách đánh roi. Nhưng “Vua xuống lệnh truyền chỉ nghiêm quở và sắc cho từ nay về sau, nhân dân có trần tình khổng tố việc gì mà dính đến Tam pháp ty, thì cứ

thực tâu lên đợi chỉ, không được vội nghị xử ngay” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3, tr. 371).

Đặc biệt, đối với một số án liên quan đến hoàng thân, quốc thích, sau khi Bộ Hình hay Tam Pháp ty “phán” đúng người đúng tội nhưng vua vẫn có những châm chước riêng. Ví như năm 1848, khoa đạo là Đặng Minh Trân và Lê Đức dâng sớ hạch “Đô thống phủ Đô thống lĩnh Tổng đốc Hà-Ninh là Tôn Thất Bật về các việc làm bậy khinh nhờn phép nước, xoay kiếm lợi riêng” như: “Cho binh đình nghỉ việc, đòi lấy tiền tài, lấn át viên biên dưới quyền mình tự tiện đóng gông giam cầm, cưỡng mua con gái người ta, bắt giam dân không có tội, mua hiếp hàng hóa”. Vua bèn giao Ty Tam pháp xét hỏi, Tôn Thất Bật đáng phải tội cách chức. Nhưng vua nghĩ Bật là người trong “tôn phả, chưa nở đuổi bỏ”. Bèn gia ân “giáng 5 cấp lưu dùng, vẫn cho làm chức Hậu quân Đô thống phủ Đô thống”. Trong khi đó, các bố chính, án sát, lãnh binh cùng thành là thuộc liêu, cấp dưới của Bật đều bị giáng phạt khá nặng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 7, tr. 93).

Đây chính là một trong những yếu tố góp phần hạn chế sự chuyên quyền, độc đoán “pháp đình tối cao” nhưng ngược lại nó cho thấy quyền lực tối thượng của vua dưới chế độ quân chủ. Ngoài ra, để hạn chế sự chuyên quyền cũng như tránh sai sót trong quá trình xét xử, triều Nguyễn cũng đã giao mỗi ngày cử một viên thuộc ty cùng với phái viên của Ty Tam pháp phái đến ứng trực ở công đường. Hễ có ai đánh trống Đăng Văn kêu việc gì, đơn kiện thì do Ty Tam pháp nhận xét, nhưng thuộc viên ứng trực cũng đăng ký ngay những đơn ấy để trình Công chính đường lưu

chiều. Nếu Tam Pháp ty ìm đi hay dễ chậm trễ không xét đơn thì tham hặc (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 462).

Bên cạnh đó, khi án từ quá nhiều, Ty Tam pháp không thể tra xét nổi, triều đình sẽ đặc cử một số quan khác tham gia. Tuy nhiên, những viên được cử tham gia cùng Tam pháp xét xử hầu hết đều là thuộc viên của những cơ quan liên quan đến hành pháp như Viện Đô sát, Bộ Hình... Ví như năm 1842, Ty Tam pháp tâu: từ Quảng Trị đến Hà Nội, nhân dân nộp đến 4.000 lá đơn. Vua cho Pháp ty khó lòng làm chóng xong được, bèn cho “Đồng các Đại học sĩ, lĩnh Thượng thư Bộ Hình Vũ Xuân Cẩn sung chức Khâm sai đốc lý tra biện án kiện đại thần, Hữu thị lang bộ Lễ Hoàng Tế Mỹ sung chức Khâm sai phó biện đại thần, cấp cho cờ, bài; Hồng lô Tự khanh Bùi Nhật Tiến, Lễ khoa Chương án Cấp sự trung Phan Văn Xưởng, Công khoa Chương án Cấp sự trung Đặng Quốc Lương, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Trương Hào Hợp đều sung chức tùy biện”, đồng thời cho chế 2 quả ấn khắc chữ “Khâm sai” tham gia cùng Tam pháp xét (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 6, tr. 329).

Việc triều đình cho đặt trống Đăng Văn đã góp phần cho Ty Tam pháp hoạt động có hiệu quả, nhất là việc phát giác các vụ án oan khuất của dân chúng. So với một số triều đại quân chủ Việt Nam trước đó, việc đặt trống Đăng Văn của triều Nguyễn là một tiến bộ trong việc góp phần làm trong sạch bộ máy cũng như trả lại sự oan khuất và bình đẳng trước pháp luật cho người dân.

Trong quá trình thực thi trọng trách triều đình giao phó, một trong những vụ oan án

lớn nhất mà Ty Tam pháp đã minh oan được là vụ án của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa. Đó là khi Bùi Hữu Nghĩa làm Tri phủ Trà Vang (Long Hồ), ông đã không ngần ngại đứng về phía dân chài địa phương, bênh vực những người bị các quan lại ức hiếp và nhũng lạm quyền thế. Hành động cương trực của ông bị các đồng僚 ganh ghét và tìm cách hãm hại. Triều đình chưa rõ hư thực, nhưng nghe lời Tổng đốc Vĩnh Long nói Bùi Hữu Nghĩa xúi dân làm loạn, nên đã cách chức Tri phủ Trà Vang. Bùi Hữu Nghĩa bị bắt giải về kinh và chờ ngày thọ án tử hình. Đứng trước tình cảnh đó, vợ ông là Bà Nguyễn Thị Tôn đã thực hiện một nghĩa vụ công dân rất đổi can trường và nguy hiểm. Bà đã bất chấp mọi khó khăn, ròng rã cả tháng trời vượt biển với chiếc ghe bầu ra tận kinh đô Phú Xuân để gióng lên ba hồi trống Đăng Văn, quyết minh oan giải cứu cho chồng khỏi bản án tử hình. Sự việc được Ty Tam pháp điều tra và kết quả không phải như hình án nên vua Minh Mạng đã cho Bùi Hữu Nghĩa thoát khỏi án tử hình. Bà Từ Dũ (Hoàng Thái hậu của vua Tự Đức) biết tin bèn ban tặng Bà Nguyễn Thị Tôn một tấm biển chạm nổi bốn chữ vàng “Liệt Phụ Khả Gia” (<http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=67&ia=437>).

3. MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH VÀ KẾT LUẬN

Nghiên cứu về Tam Pháp ty - cơ quan tư pháp tối cao (pháp đình) của triều Nguyễn (1802-1885), chúng ta có thể thấy việc xây dựng và vận hành tổ chức này có một số yếu tố như sau.

Một là, triều Nguyễn đã có những tiến bộ trong việc xây dựng bộ máy hành pháp,

nhất là hình pháp. Cụ thể, triều Nguyễn đã thành lập Tam Pháp ty - cơ quan tư pháp tối cao (pháp đình) (Ngô Đức Lập, 2011, tr. 42) của triều đình. Mặc dầu là pháp đình tối cao nhưng quyền hành của Ty Tam pháp không phải là “bất khả xâm phạm” mà đối với những hình án có ảnh hưởng lớn đến nhân mạng và kinh tế thì phải có sự kiểm xét của vua. Đây chính là một trong những yếu tố hạn chế sự chuyên quyền của Tam Pháp ty nhưng nó cũng cho chúng ta thấy quyền “tối thượng” của nhà vua dưới chế độ quân chủ.

Hai là, mặc dù quyền hành, trọng trách và khối lượng công việc rất lớn nhưng các thuộc viên của Ty Tam pháp không phải là chuyên trách mà hầu hết các thuộc viên của cơ quan này đều kiêm nhiệm và được “hợp nhất” từ Viện Đô sát, Đại lý tự và Bộ Hình. Việc sử dụng thuộc viên của Viện Đô sát, Đại lý tự và Bộ Hình đảm đương thêm công việc của Tam pháp, một mặt hạn chế được số lượng quan lại, mặt khác các thuộc viên này mặc dù đảm đương hai nhiệm vụ nhưng cùng chuyên môn sẽ thuận lợi lớn cho họ khi thực thi nhiệm vụ của mình. Đặc biệt, triều Nguyễn đã tạo cơ chế phối hợp trong hoạt động giữa các cơ quan hành pháp và tư pháp.

Ba là, so với một số triều đại quân chủ Việt Nam trước đây, triều Nguyễn đã cho đặt trống Đăng Văn để “oan dân” có thể báo cho triều đình, Tam Pháp ty biết về oan khuất của mình. Việc đặt trống Đăng Văn phần nào tạo điều kiện cho dân chúng nói lên tiếng nói của mình trước pháp luật

cũng như hạn chế quyền hành và tệ “quan tham” ức hiếp nhân.

Mặc dầu còn những hạn chế nhất định nhưng trong quá trình tồn tại và thực thi nhiệm vụ, Tam Pháp ty của triều Nguyễn đã có những đóng góp rất lớn. Các thuộc viên của cơ quan này đã giúp triều đình trả lại nỗi oan khuất của dân chúng, đồng thời hạn chế sự sách nhiễu của quan lại đối với người dân, nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, hạn chế được tệ quan tham, sách nhiễu dân. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Trống Đăng Văn*: tiếng trống đánh lên để thấu đến vua nghe.

⁽²⁾ Dẫn theo Đỗ Bang, 2010, tr. 146.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Bang. 2010. *Các biện pháp điều tiết cực quyền của bộ máy nhà nước tập quyền triều Nguyễn*. Trong: *Thuận Hóa-Phú Xuân-Thừa Thiên Huế: 700 năm hình thành và phát triển*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. <http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=67&ia=437>
3. <http://cuocsongviet.com.vn/index.asp?act=detail&mabv=3971&/Nha-Nguyen-xet-xu-cac-toi-lien-quan-den-thuoc-phien.csv>
4. Ngô Đức Lập. 2011. *Tìm hiểu về quá trình ra đời và kiện toàn tổ chức giám sát của các triều đại quân chủ Việt Nam*. Tạp chí Lịch sử Quân sự. Số 239.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 3, 4, 5, 6, 7, 8 (Bản dịch của Viện Sử học). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.